

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày 18 – 6 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Kiên Nhân
- Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 60/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân:

- Ngày 01/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 01/4/2020 bị cáo T đã chấp hành xong bản án (đã xóa án tích).

- Ngày 16/6/2022 bị Công an xã N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo nộp phạt ngày 21/6/2022.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V trong vụ án khác và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 2003; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Ông Thạch L1, sinh năm 1968; nơi cư trú: 22/7 Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 31/10/2023, anh Nguyễn Hoàng V điều khiển xe mô tô biển số 64E1-611.86 (xe do Nguyễn Hoàng L là em ruột của V đứng tên giấy đăng ký xe, L giao xe cho V quản lý, sử dụng) đến nhà anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1988, ngụ ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chơi. Lúc này, Nguyễn Văn T đang ở nhà anh N hỏi mượn xe mô tô biển số 64E1-611.86 để đi chợ T3 mua đồ ăn rồi quay về trả xe thì anh V đồng ý cho mượn. T điều khiển xe mô tô biển số 64E1-611.86 đến thị trấn T, huyện T chơi game bắn cá và thua hết tiền. T nảy sinh ý định cầm cổ xe mô tô trên để lấy tiền tiêu xài nên T điều khiển xe mô tô biển số 64E1-611.86 đến gặp ông Thạch L1, sinh năm 1968, ngụ số B, khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và cầm xe mô tô trên cho ông L1 với số tiền 6.500.000 đồng và T có viết giấy biên nhận cho ông L1.

Đến ngày 02/11/2023, anh V điện thoại cho T thì T nói T đã đem xe của anh V cầm cho ông Thạch L1 và nói anh Vĩnh t chuộc xe về. Ngày 06/11/2023, anh V đến Công an xã N tố giác hành vi của T. Đến ngày 28/11/2023, Công an xã N chuyển nguồn tin trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 11/12/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 64E1-611.86 nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sản xuất năm 2021, đã qua sử dụng trị giá: 12.200.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 94/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh V, kết luận: Chữ viết cần giám định trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết mẫu so sánh có nội dung: “*Tôi có đọc lại nội dung trả lời là đúng sức*”

khỏe của tôi không ổn định để làm việc, ký tên: T, họ và tên: Nguyễn Văn T' trên tài liệu ký hiệu M là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết luận giám định... nhận thấy hành vi của Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngày 15/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Thạch L1 khi nhận cầm xe mô tô biển số 64E1-611.86 của Nguyễn Văn T, ông L1 không biết đây là tài sản do T mượn của người khác đem đi cầm cố nên không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 64E1-611.86 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64E1-611.86 mang tên Nguyễn Hoàng L.
- 01 (một) mẫu giấy tập học sinh có chữ viết của Nguyễn Văn T do ông Thạch L1 giao nộp ngày 07/01/2024.

Xử lý vật chứng: Ngày 29/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Hoàng V: 01 (một) xe mô tô biển số 64E1-611.86 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64E1-611.86 mang tên Nguyễn Hoàng L.

Đối với 01 (một) mẫu giấy tập học sinh có chữ viết của Nguyễn Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hoàng V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thạch L1 yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường số tiền: 6.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKSTB ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Thạch L1 số tiền 6.500.000 đồng, bị hại Nguyễn Hoàng V không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 23 giờ ngày 31/10/2023, tại ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo Nguyễn Văn T hỏi mượn xe mô tô biển số 64E1-611.86 trị giá: 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng) của anh Nguyễn Hoàng V rồi điều khiển xe trên đến thị trấn T, huyện T chơi game bắn cá và thua hết tiền. T nảy sinh ý định cầm xe nên T cầm xe mô tô biển số 64E1-611.86 cho ông Thạch L1 với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) và tiêu xài hết số tiền trên.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là thanh niên có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn.

Bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, đã một lần chấp hành hình phạt tù, trong thời gian chờ chấp hành bản án tù 06 tháng tội “Đánh bạc”, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[2.3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.3.2] Bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông L1 số tiền 6.500.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên cần công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị hại V không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoảng thời gian chưa thi hành án xong.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông Thạch L1 số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Bị hại anh Nguyễn Hoàng V không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Ngải Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo